

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 04-01-2018

V/v " ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc " ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Kh, sinh năm 1968

Nơi cư trú: thôn V, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1981

ĐKHKT: thôn V, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Anh Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2017, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là anh Phạm Văn Kh trình bày: Anh và chị Bùi Thị L kết hôn là do tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L đăng ký ngày 02/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp

nhau về tính cách và quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2016 đồng thời cắt đứt quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ đó. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh chị không có con chung, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, đã nhiều lần triệu tập bị đơn là chị Bùi Thị L đến làm việc nhưng chị không có mặt. Tòa án chỉ tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bà Nguyễn Thị Nh là mẹ đẻ chị L nhận thay. Sau khi nhận các tài liệu do Tòa án giao bà Nh xác nhận đã thông báo lại cho chị L được biết nhưng do bận công việc chị L không đến Tòa án để làm việc được. Tại biên bản làm việc với bà Nh xác định: Anh Kh và chị L có đăng ký kết hôn vào cuối năm 2015, vợ chồng chỉ chung sống được thời gian khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bản thân anh Kh không chung thủy, có mối quan hệ không đúng mực với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau. Chị L đã về nhà ở cùng với ông bà từ tháng 4 năm 2016 đến nay và cũng từ đó anh Kh cũng không đến tìm chị về đoàn tụ. Quá trình chung sống anh Kh và chị L không có con chung, sau khi trình bày bà Ninh đã được đọc lại nhưng bà không ký vào biên bản vì bà xác định việc ly hôn là việc riêng của anh chị bà không liên quan.

Qua xác minh tại địa phương xác định: Anh Kh và chị L được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 02/12/2015. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương được một thời gian ngắn, sau đó chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở khoảng hơn 1 năm nay, còn lý do thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Kh được ly hôn chị Bùi Thị L.

Về con chung: Không có nên không giải quyết.

Về tài sản chung: không có nên không giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn Kh phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Tại phiên tòa anh Phạm Văn Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Kh và chị L.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Phạm Văn Kh và chị Bùi Thị L được kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân dẫn đến việc anh Kh có đơn yêu cầu xin ly hôn chị L thì thấy: Trong cuộc sống vợ chồng luôn có sự bất đồng và trái ngược nhau về quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung, mặt khác không có sự tin yêu và quý trọng nhau, do đó mâu thuẫn phát sinh ngay từ khi hôn nhân mới được xác lập. Do không cải thiện được hạnh phúc vợ chồng, chị L đã bỏ về bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2016, đồng thời hai bên cũng đoạn tuyệt tình cảm từ đó. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập chị L đến làm việc và tiến hành hòa giải nhưng chị không đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ bản thân chị L cũng không có ý thức mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Kh yêu cầu xin được ly hôn chị L là có căn cứ, vì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Kh và áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho anh Kh được ly hôn chị L là phù hợp.

[3]. **Về con chung:** Vợ chồng không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. **Về tài sản chung, công nợ:** Không đặt ra việc giải quyết.

[5]. **Về án phí:** Anh Phạm Văn Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản: Khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Kh được ly hôn chị Bùi Thị L.

2. Về con chung: Không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn Kh phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001316 ngày 27/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Anh Kh đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thụy